

## TỜ TRÌNH

### **Đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về học phí từ năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Để chuẩn bị cho kỳ họp thứ 17 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021-2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết quy định về học phí từ năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình như sau:

#### **I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

##### **1. Về quy định mức thu học phí từ năm học 2024 - 2025 đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

Ngày 27/8/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Ngày 31/12/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 97/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, theo đó tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP quy định:

*“1. Sửa đổi khoản 3 Điều 9 như sau:*

*3. Học phí từ năm học 2023 - 2024:*

*a) Đối với cơ sở giáo dục chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: Giữ ổn định mức thu học phí từ năm học 2023 - 2024 bằng mức thu học phí của năm học 2021 - 2022 do Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành áp dụng tại địa phương.”*

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 2, khoản 5 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về học phí từ năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là cần thiết, đúng thẩm quyền.

##### **2. Về quy định hỗ trợ học phí từ năm học 2024 - 2025**

Điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương và khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương.

*ue*

Căn cứ quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời để hỗ trợ học phí, nhằm giảm bớt khó khăn, động viên phụ huynh, học sinh trong quá trình học tập, việc ban hành Nghị quyết quy định hỗ trợ học phí từ năm học 2024 - 2025 đối với trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Bình thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển theo quyết định của cấp có thẩm quyền là cần thiết và đúng với thẩm quyền được giao.

## **II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo xây dựng Nghị quyết**

### **1. Mục đích**

Xây dựng quy định học phí để áp dụng từ năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, đảm bảo phù hợp với Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP, Luật Giáo dục, Luật Ngân sách nhà nước.

### **2. Quan điểm xây dựng nghị quyết**

Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết đảm bảo công khai, minh bạch, phù hợp với tình hình của địa phương, phù hợp với các quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP; Luật Giáo dục năm 2019; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Để thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của nhà nước, căn cứ khoản 3 Điều 4, khoản 2 và khoản 5 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, khoản 1 Điều 1 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP, việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về học phí từ năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Mức thu học phí và phương thức sắp xếp, phân loại các vùng tiếp tục áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 67/2024/NQ-HĐND ngày 06/02/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nhằm bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP đã quy định miễn, giảm học phí cho một số đối tượng<sup>1</sup>; hàng năm có khoảng 21.500 trẻ, học sinh, học viên được miễn, giảm học phí với

<sup>1</sup> - Đối tượng miễn 100% học phí gồm: Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; người khuyết tật; trẻ em học mẫu giáo và học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng và người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; trẻ em mầm non 05 tuổi; là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sỹ quan, binh sỹ tại ngũ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sỹ quan, binh sỹ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sỹ quan, binh sỹ tại ngũ; học sinh trung học cơ sở ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú; học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối tượng giảm 70% học phí gồm: là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối tượng giảm 50% học phí gồm: là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên; có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ khoảng 7,5 tỷ đồng (miễn 100% học phí khoảng 16.100 trẻ, học sinh, học viên với kinh phí khoảng 6,1 tỷ đồng; giảm 50% học phí khoảng 5.200 trẻ, học sinh, học viên với kinh phí khoảng 1,2 tỷ đồng; giảm 70% học phí khoảng 300 trẻ, học sinh, học viên với kinh phí khoảng 200 triệu đồng).

Trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh cũng đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 10/6/2022 về phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa, an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Để hỗ trợ trẻ em, học sinh, học viên thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển chưa được hưởng chính sách miễn học phí hoặc chỉ được giảm một phần học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và để cụ thể hóa chủ trương tại Nghị quyết số 08-NQ/TU, dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ 100% khoản học phí phải nộp (sau khi giảm trừ học phí đã được nhà nước miễn, giảm) đối với trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Bình thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển theo quyết định của cấp có thẩm quyền từ năm học 2024 - 2025 là phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tình hình thực tiễn của địa phương. Chính sách này sẽ hỗ trợ khoảng 5.000 trẻ, học sinh, học viên chưa được miễn học phí hoặc chỉ được giảm một phần học phí với tổng kinh phí khoảng 1 tỷ đồng/năm.

### **III. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Ngân sách và các văn bản pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình xin ý kiến và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã nhất trí xây dựng Nghị quyết. Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức thu thập thông tin, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Tư pháp, các địa phương và các cơ sở giáo dục. Trong quá trình xây dựng Nghị quyết, có địa phương đề nghị bổ sung thêm phần hỗ trợ học phí cho các đối tượng như Nghị quyết số 67/2024/NQ-HĐND, chính sách này đã được đánh giá tác động và các cơ quan liên quan nhất trí.

Dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Cổng thông tin điện tử ngành Giáo dục. Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định và các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia ý kiến.

### **IV. Bố cục và các nội dung cơ bản của Nghị quyết**

#### **1. Bố cục**

Dự thảo Nghị quyết gồm có 04 điều, trong đó:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Quy định về học phí từ năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

## Điều 4. Tổ chức thực hiện.

### 2. Nội dung cơ bản

“1. Mức thu học phí từ năm học 2024-2025

*Đơn vị: đồng/trẻ, học sinh, học viên/tháng*

Vùng	Mầm non		Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Trung học phổ thông chuyên
	Nhà trẻ	Mẫu giáo			
Thành thị	96.000	64.000	72.000	96.000	144.000
Nông thôn	48.000	40.000	40.000	56.000	84.000
Đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển	32.000	24.000	16.000	32.000	48.000

Trong trường hợp học trực tuyến thì mức thu học phí bằng 80% mức học phí theo từng cấp học được quy định tại Nghị quyết này.

#### 2. Quy định về vùng

a) Vùng thành thị: bao gồm các phường thuộc thành phố Đồng Hới, các phường thuộc thị xã Ba Đồn.

b) Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển: bao gồm các xã, thôn, bản thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

c) Vùng nông thôn: các xã, thị trấn còn lại.

Các cơ sở giáo dục căn cứ nơi thường trú theo quy định hiện hành của bản thân trẻ, học sinh, học viên để xác định vùng và mức thu học phí đối với đối tượng phải nộp học phí theo quy định. Trường hợp trẻ, học sinh, học viên có nơi thường trú không thuộc tỉnh Quảng Bình thì căn cứ vào địa bàn cơ sở giáo dục để xác định mức thu học phí.

#### 3. Quy định hỗ trợ học phí từ năm học 2024 - 2025

a) Đối tượng hỗ trợ: trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Bình thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển theo quyết định của cấp có thẩm quyền (trừ các đối tượng được miễn học phí theo quy định).

b) Mức hỗ trợ: hỗ trợ 100% khoản học phí phải nộp.

c) Ngân sách tỉnh cấp trực tiếp tiền hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên có các đối tượng thuộc diện hỗ trợ tại điểm a khoản 3 Điều này (sau khi đã trừ nguồn dự phòng cải cách tiền lương).

d) Nguồn kinh phí hỗ trợ được lấy từ nguồn sự nghiệp giáo dục thuộc ngân sách tỉnh hàng năm.”

**V. Những vấn đề xin ý kiến: Không.**

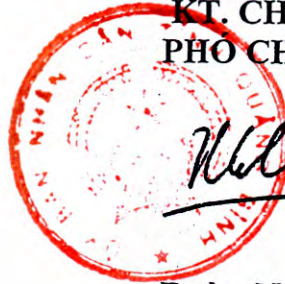
Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về học phí từ năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm theo Dự thảo Nghị quyết).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VPUBND tỉnh;
- Các Sở: GDĐT, TP, TC;
- Lưu: VT, TH, NCVX .

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH <sup>HL</sup>  
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số: /2024/NQ-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày tháng năm 2024

**DỰ THẢO**

## NGHỊ QUYẾT

**Quy định về học phí từ năm học 2024 - 2025  
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính  
phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống  
giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá  
dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân  
dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về học phí từ năm học  
2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa-  
Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân  
tỉnh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về học phí từ năm học 2024 - 2025 đối với cơ sở  
giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; hỗ trợ  
học phí đối với trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông công lập, học viên học  
tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông thuộc vùng  
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi  
ngang, ven biển theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

## **Điều 3. Quy định về học phí từ năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

1. Mức thu học phí từ năm học 2024 - 2025

*Đơn vị: đồng/trẻ, học sinh, học viên/tháng*

Vùng	Mầm non		Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Trung học phổ thông chuyên
	Nhà trẻ	Mẫu giáo			
Thành thị	96.000	64.000	72.000	96.000	144.000
Nông thôn	48.000	40.000	40.000	56.000	84.000
Đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển	32.000	24.000	16.000	32.000	48.000

Trong trường hợp học trực tuyến thì mức thu học phí bằng 80% mức học phí theo từng cấp học được quy định tại Nghị quyết này.

2. Quy định về vùng

a) Vùng thành thị: bao gồm các phường thuộc thành phố Đồng Hới, các phường thuộc thị xã Ba Đồn.

b) Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển, bao gồm: các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I; các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

c) Vùng nông thôn: các xã, thị trấn còn lại.

Các cơ sở giáo dục căn cứ nơi thường trú của bản thân trẻ, học sinh, học viên để xác định vùng và mức thu học phí đối với đối tượng phải nộp học phí theo quy định. Trường hợp trẻ, học sinh, học viên có nơi thường trú không thuộc tỉnh Quảng Bình thì căn cứ vào địa bàn cơ sở giáo dục để xác định mức thu học phí.

### 3. Quy định hỗ trợ học phí từ năm học 2024 - 2025

a) Đối tượng hỗ trợ: trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Bình thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển theo quyết định của cấp có thẩm quyền (trừ các đối tượng được miễn học phí theo quy định).

b) Mức hỗ trợ: hỗ trợ 100% khoản học phí phải nộp.

c) Ngân sách tỉnh cấp trực tiếp tiền hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên có các đối tượng thuộc diện hỗ trợ tại điểm a khoản 3 Điều này (sau khi đã trừ nguồn dự phòng cải cách tiền lương).

d) Nguồn kinh phí hỗ trợ được lấy từ nguồn sự nghiệp giáo dục thuộc ngân sách tỉnh hàng năm.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày ....tháng.....năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày .... tháng ... năm 2024./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tư Pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ GDĐT;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**

**Trần Hải Châu**